

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIẾN XƯƠNG
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 13 - 8 - 2020
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIẾN XƯƠNG, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Đức

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Bường và ông Nguyễn Văn Chuyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Huế - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 42/2020/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2020, về tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2020, quyết định hoãn phiên tòa số 17/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kim O, sinh năm 1990.

- Bị đơn: Anh Vũ Văn T, sinh năm 1990;

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Vũ Xuân T, sinh năm 1959;

Đều có địa chỉ: Thôn L, xã Tr, huyện K, tỉnh Thái Bình.

(Chị O có đơn xét xử vắng mặt, anh T, ông T có mặt tại phiên tòa lần 2).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu chứng cứ đã xuất trình thì nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim O có yêu cầu khởi kiện và trình bày như sau:

- Về quan hệ hôn nhân:

Chị và anh T tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tr, huyện K, tỉnh Thái Bình vào ngày 07/10/2011. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống cùng với bố mẹ anh T tại xã Tr. Thời gian chung sống hạnh phúc được đến năm 2016 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do trong cuộc

sống tính tình không hợp nhau, dẫn đến luôn xảy ra cãi nhau. Mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên bảo nhưng không có kết quả. Từ tháng 3/2016 đến tháng 02/2019 chị đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài, khi hết hạn hợp đồng chị về ở với bố mẹ đẻ chị, tình cảm vợ chồng xa cách, không quan tâm đến nhau. Nay chị thấy không thể đoàn tụ được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

- Về quan hệ con chung: Chị và anh T có 01 con chung là Vũ Tiến Đ, sinh ngày 27/6/2012, chị có nguyện vọng để cho anh T trực tiếp nuôi con, chị cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ/tháng, kể từ khi án có hiệu lực đến khi con đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Đối với số tiền ông Vũ Xuân T khai đến nay chị còn nợ là 120.000.000 đồng để lo cho chị đi xuất khẩu lao động là không đúng sự thực, toàn bộ chi phí là do chị tự lo liệu.

* Bị đơn là anh Vũ Văn T có ý kiến trình bày: Về quan hệ hôn nhân, quá trình tìm hiểu đi đến kết hôn như chị O đã trình bày, quá trình vợ chồng hạnh phúc đến cuối năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị O đi làm ăn xa, vợ chồng xa cách nên tình cảm nhạt dần. Từ đầu năm 2019 chị O về nước nhưng không về nhà ở, không quan tâm đến chồng con. Nay chị O xin ly hôn thì anh cũng đồng ý.

- Về con chung: Vợ chồng anh có 01 con chung là Vũ Tiến Đ, sinh ngày 27/6/2012, hiện nay đang ở với anh, nếu ly hôn thì anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con, anh không yêu cầu chị O cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng anh không có tài sản chung, nợ chung.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Vũ Xuân T trình bày: Năm 2011 vợ chồng anh T chị O kết hôn, sinh sống cùng gia đình ông. Năm 2016 chị O đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài, ông đã lo cho chị O hết 270.000.000đ, sau đó làm ăn ở nước ngoài chị O có gửi tiền về trả cho ông, đến nay chị O còn nợ lại ông 120.000.000đ. Từ cuối năm 2018 do xa cách nên tình cảm vợ chồng anh chị nhạt dần, không quan tâm đến nhau. Đầu năm 2019 chị O về nước nhưng không về nhà ông, không quan tâm đến chồng con. Nay chị O xin ly hôn anh T, quan điểm của ông là khả năng đoàn tụ không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn. Khi anh chị ly hôn đề nghị Tòa án giao cho anh T trực tiếp nuôi con, không cần chị O cấp dưỡng cho con. Anh T và chị O không có tài sản chung, nợ chung khác. Đối với khoản tiền 120.000.000 đồng chị O còn nợ, ông không yêu cầu chị O phải trả cho ông nữa.

* Kết quả thu thập chứng cứ của Tòa án:

- Qua xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Tr ngày 04/6/2020 cán bộ đại diện cho Đoàn thể, đại diện chính quyền cung cấp cho biết: Anh T và chị O có hộ khẩu thường trú tại xã Tr. Anh T và chị O kết hôn tại xã Tr vào ngày 07/10/2011, sau kết hôn anh chị chung sống tại địa phương, được một thời gian thì chị O đi làm ăn xa, sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nay chị O xin ly hôn, quan điểm của địa

phương là đề nghị Tòa án căn cứ vào nguyện vọng của các bên để giải quyết. Chị và anh T có 01 con chung là Vũ Tiến Đ, sinh ngày 27/6/2012, hiện nay đang ở với anh T, nếu anh chị ly hôn thì nên giao cháu Đ cho anh T nuôi dưỡng vì cháu đang ở với anh T, được chăm sóc tốt. Anh T và chị O không nợ các quỹ của địa phương.

- Tòa án lấy lời khai của cháu Vũ Tiến Đ: Cháu Đạt có nguyện vọng ở với bố.

* Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật:

Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Do vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không có kết quả. Đề nghị hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Nguyễn Thị Kim O được ly hôn anh Vũ Văn T; Về con chung: Giao con chung là cháu Vũ Tiến Đ, sinh ngày 27/6/2012 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chấp nhận việc anh T không yêu cầu chị O cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung: Không có nên không đặt ra giải quyết; Về nợ do ông T rút yêu cầu đòi nợ chị O nên đình chỉ giải quyết. Về án phí: chị O phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, hội đồng xét xử nhận định:

[I] Về pháp luật tố tụng:

[1] Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Kim O có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, bị đơn là anh Vũ Văn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Vũ Xuân T có mặt. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị O là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành lấy lời khai các đương sự, xác minh tại ủy ban nhân dân xã Tr và thu thập tài liệu, chứng cứ để làm rõ tình trạng hôn nhân và địa chỉ cư trú của nguyên đơn, bị đơn vì vậy Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là đúng với quy định tại Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[II] Về pháp luật nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Quan hệ hôn nhân của chị O và anh T có giấy chứng nhận kết hôn, đó là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống của vợ chồng chị O và anh T hạnh phúc được thời gian từ sau khi kết hôn đến năm 2016, sau đó do vợ chồng làm ăn, sinh sống xa nhau dẫn đến tình cảm bị nhạt dần, không còn quan tâm đến nhau. Đến nay chị O xác định không thể đoàn tụ được nữa, anh T cũng chấp nhận

ly hôn. Như vậy chứng tỏ hôn nhân giữa chị O và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần giải quyết cho chị O và anh T được ly hôn là phù hợp với quy định tại điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về quan hệ con chung:

Chị O và anh T có 01 con chung là Vũ Tiến Đ, sinh ngày 27/6/2012, chị O có nguyện vọng để cho anh T trực tiếp nuôi con, anh T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con, cháu Đ có nguyện vọng ở với anh T, do vậy nên giao cho anh T trực tiếp nuôi con chung là phù hợp với quy định tại điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Việc anh T không yêu cầu chị O cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện cần được chấp nhận. Chị O có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung:

Vì anh T và chị O không có tài sản và nợ chung, anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra.

[4] Về yêu cầu đòi nợ số tiền 120.000.000 đồng của ông Vũ Xuân T đối với chị O, trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa ông T rút yêu cầu, xét thấy việc rút yêu cầu là tự nguyện nên đình chỉ giải quyết đối với số tiền trên.

[5] Về án phí:

Chị O anh phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ vào Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Xử cho chị Nguyễn Thị Kim O được ly hôn anh Vũ Văn T.

2. Về con chung:

- Giao cho anh T trực tiếp nuôi con chung là Vũ Tiến Đ, sinh ngày 27/6/2012 đến khi con đủ 18 tuổi. Chấp nhận việc anh T không yêu cầu chị O phải cấp dưỡng nuôi con.

- Chị O có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Đình chỉ giải quyết yêu cầu đòi nợ số tiền 120.000.000 đồng của ông Vũ Xuân T đối với chị Nguyễn Thị Kim O.

5. Về án phí:

Chị O phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị O đã nộp là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0001567 ngày 28/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình. Chị O đã nộp xong án phí.

6. Về quyền kháng cáo:

Án xử công khai, nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Kiến Xương;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Vp Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(*Đã ký*)

Phạm Minh Đức